



## Bài báo nghiên cứu

# CÁI NHÌN NHẤT THỂ HÓA VỀ THẾ GIỚI TRONG THƠ TƯỢNG TRUNG CỦA BÍCH KHÊ

*Phạm Thị Như Thúy*

*Trường Đại học Cửu Long, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Phạm Thị Như Thúy – Email: [thuynhu7768@gmail.com](mailto:thuynhu7768@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 04-11-2025; Ngày nhận bài sửa: 15-02-2026; Ngày duyệt đăng: 17-4-2026*

## TÓM TẮT

*Trong giai đoạn hình thành và phát triển Thơ mới theo khuynh hướng tượng trưng, Bích Khê được giới nghiên cứu đánh giá là một cây bút thành công nhất trong lĩnh vực thơ tượng trưng ở Việt Nam giai đoạn 1932-1945. Nói đến thơ Bích Khê, người ta thường chú ý đến ba khía cạnh: vẽ tranh lờ tả thể bằng thơ; thơ của hương thơm và nhạc điệu; bút pháp siêu thực, tượng trưng. Bích Khê đã đưa người đọc đến những tầng bậc sâu thẳm của cảm nhận, đó không chỉ là mộng, là ảo mà còn là tiềm thức và ảo giác nữa. Vì vậy, tìm hiểu thế giới tượng trưng trong thơ Bích Khê không chỉ để hiểu sâu hơn, đánh giá đúng hơn về thơ ông mà còn có được cơ hội hiểu đúng hơn về nhiều hiện tượng thơ ca khác trong nền văn học Việt Nam đương đại. Từ những dẫn giải trên, bài viết tìm hiểu yếu tố nhất thể hóa về thế giới tượng trưng trong thơ Bích Khê để thấy được những đóng góp đặc sắc của ông đối với thơ tượng trưng Việt Nam giai đoạn 1932-1945 nói riêng và thơ ca Việt Nam hiện đại nói chung.*

**Từ khóa:** Bích Khê; cái nhìn nhất thể hóa; thơ tượng trưng; thế giới tượng trưng

## 1. Giới thiệu

Để bước vào thế giới thơ tượng trưng của Bích Khê và giải mã được nó, buộc người đọc phải nắm được những nguyên tắc kiến tạo diễn ngôn nghệ thuật tượng trưng. Từ những vật liệu khác nhau, với cái nhìn tương hợp và nguyên tắc nhất thể hóa thế giới, mỗi một nhà thơ sẽ có cách kiến tạo thế giới theo cách của mình và Bích Khê cũng không là ngoại lệ. Với Bích Khê, đó là cả một thế giới luôn chuyển động để hợp nhất, từ hợp nhất mà mở ra những chuyển động mới. Đó cũng chính là con đường kiến tạo vật liệu độc đáo của Bích Khê từ trong những ngát ngư khoái lạc sáng tạo. Tại đó, năng lực thấu thị và sự mẫn cảm của tất cả các giác quan được phát huy cao độ để tạo nên sự chói lòa của những hào quang nghệ thuật. Để có được sự khác thường trong nghệ thuật, Bích Khê đã huy động nhiều loại vật liệu, trong đó có thể kể đến ba nhóm cơ bản: nhóm vật liệu được nhận biết được bằng ngũ quan như màu sắc, hương mùi, âm

---

**Cite this article as:** Pham, T. N. T. (2026). A holistic vision of the world in Bích Khê's symbolist poetry. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(4), 848-859. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.5345\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.5345(2026))

nhạc, các vật thể rắn lạnh, lấp lánh, sáng ngời; nhóm vật liệu được nhận biết bằng trực giác: xác thịt, linh hồn, sự hòa điệu và nhóm vật liệu ngôn từ được lấy cảm hứng từ thơ ca kim cổ đông tây, đặc biệt là thơ Việt Nam truyền thống và thơ tượng trưng Pháp...

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đặc trưng của cái nhìn nhất thể hóa về thế giới

Nguyên tắc mỹ học của chủ nghĩa tượng trưng là sự tương giao, tương hợp. Baudelaire quan niệm: Vũ trụ là một thể thống nhất, trong đó tất cả đều tương ứng với nhau. Có sự tương ứng giữa tự nhiên và cái siêu nhiên, có sự tương ứng giữa thế giới này với thế giới đằng sau đầy bí ẩn, đặc biệt là sự tương ứng giữa các giác quan *Mùi hương, màu sắc và âm thanh tương giao cùng nhau*. Trong quá trình nhất thể hóa các giác quan, Bích Khê đã phát hiện ra cái đẹp trong cái hỗn độn trong bài thơ *Duy Tân*:

“Mộng?  
Thiên tài?  
Trên hỗn độn khóa thân.  
Đẹp tử mĩ, hồi rung động truyền thân.”

(Bích Khê, 1938, p.108)

Trong thế giới tượng trưng của thơ Bích Khê, dường như mỗi thi phẩm là một “giai điệu chủ quan”, gắn với những rung cảm mãnh liệt. Cái tôi cá nhân của nhà thơ luôn được đẩy tới theo nguyên tắc mỹ học của trường phái tượng trưng: đề cao trực giác. Nguyên tắc này được đồng nhất với sự bùng nổ thần bí, sự khai thị trong trạng thái kích động cao. Trong thế giới tượng trưng của thơ của Bích Khê, luôn chập chờn giữa mộng và thực, giữa tiềm thức và ý thức, chỉ trong sự chập chờn đó, cảm hứng của nhà thơ mới dâng lên đến tận cùng đam mê và khoái lạc trong bài thơ *Nàng bước tới*:

“Cho tình ta xô dồn sang cực điểm;  
Và hào quang khiêu vũ với hào quang”

(Bích Khê, 1939, p.67)

Bích Khê cảm nhận một cách tinh tế và sâu sắc những va chạm, xung đột trong bản chất của các sự vật và khắc họa chúng bằng những bức tranh ẩn tượng của chủ nghĩa tượng trưng trong *Một cõi trời*:

“Ôi thiên tượng!  
- Ngai vàng vừa xuất hiện:  
Trăng dẹt gấm mà sao thêu kim tuyến;  
Cả không gian ngời kết ngọc kim cương  
Đây người thơ lừa bấu giữa lòng thương;  
Miệng như đàn nói ra thành điệu nhạc;  
Mắt có phép trào ra hương khoái lạc;  
Tay hoa tay liềm nở chữ phương phi...”

(Bích Khê, 1939, p.80)

Là người đa cảm, giàu tình thương, Bích Khê luôn nhìn cuộc sống bằng cái nhìn đầy thiện cảm; là người giàu suy tưởng, nhạy bén cảm nhận trực giác, ông thường đọc ra từ phía tàng ẩn của cuộc đời những điều kì diệu. Vì thế, thơ Bích Khê vừa mang lại cho người đọc sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng, vừa khơi dậy trong họ khả năng xét đoán và nắm bắt các hiện tượng đời sống trong sự đa diện và phong phú, phức tạp của nó.

*Ngũ hành sơn (Tiền và hậu)* là một biểu tượng đa nghĩa. Trong những dòng thơ như nhập đồng của Bích Khê, Ngũ Hành tiềm ẩn trong đó tương quan huyền bí giữa con người và vũ trụ. Lúc hiện ra vẻ đẹp gợi cảm của thân thể đàn bà, lúc là sự huyền diệu của thơ và thi nhân, lúc là cuộc du ngoạn của lứa đôi trong *Ngũ hành sơn (Tiền)*:

“...Lờ mờ đường lên mây  
Chén trăng vừa tâm với  
Chàng ơi, vàng rờng đây  
Kề môi say ân ái...”

(Bích Khê, 1938, p.77)

Lúc lại là cõi tín ngưỡng huyền bí, linh thiêng trong *Ngũ hành sơn (Hậu)*:

“...Phật Như Lai thoát hiện  
Trên bảy sắc cầu vòng  
Quái thay hòn Non nước  
Nghe giảng đủ mười tông.”

(Bích Khê, 1938, p.80)

*Lên chơi hòn Non nước* thực ra là đi tìm mối tương quan bí ẩn giữa con người và vũ trụ, đi tìm bản ngã. Cuộc kiếm tìm này là không hề ngừng nghỉ với Bích Khê.

## **2.2. Hình dung của Bích Khê về nét đặc thù của thế giới hợp nhất**

Bích Khê quan niệm rằng, cái đẹp trong thi ca là cao nhất, là sự tổng hợp tất cả những cái đẹp của hội họa, điêu khắc, kiến trúc, nhiếp ảnh và nhất là âm nhạc. Cái thế giới mà Bích Khê muốn tạo nên trong các tác phẩm của mình gồm *ba tầng*: tầng thứ nhất là cái thế giới cảm tính đầy những hương thơm, sắc màu tươi mát, mùi vị ngọt ngào, tiếng nhạc êm ái; tầng thứ hai là địa ngục, là thế giới của dục vọng, và tầng trên cùng là thiên đường, là thế giới của thi ca. Bích Khê muốn tìm cho thơ mình một tiếng nói riêng. Đó sẽ là một thứ thơ sử dụng một ngôn ngữ thật trau chuốt, trong sáng, đầy âm hưởng, tạo ra những hình ảnh mới mẻ đầy sức sống, mang nhiều tầng lớp ý nghĩa. Nhà thơ phải thể hiện cái tinh túy của sự vật, nhập thân vào tự nhiên để khám phá ra ý nghĩa, ngôn ngữ thầm kín của vạn vật. Trên cơ sở kết hợp giữa cái hiện đại và cái truyền thống, thơ phải đạt đến một cái đẹp chân thật, thuần túy, làm say lòng người.

Tầng thứ nhất của cái thế giới mà Bích Khê muốn tạo dựng trong thơ của mình là thế giới cảm tính, và chính vì nó là cảm tính nên ngào ngạt hương thơm, rực rỡ sắc màu, mùi vị ngọt ngào, ngân nga tiếng nhạc êm ái trong *Tranh lửa thế*:

“Dáng tâm xuân uồn trong tranh Tố nữ

Ồ tiên nương! Nàng lại ngự nơi này?  
 Nàng ở mô? Xiêm áo bỏ đâu đây?  
 Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.  
 Nàng là tuyết hay da nàng tuyết diễm?  
 Nàng là hương hay nhan sắc lên hương?  
 Mắt ngời châu rung ánh sáng nghệ thường”

(Bich Khe, 1939, p.47)

Không gian nhuộm các sắc màu đặc biệt trong cái nhìn, cái cảm lâng lâng của thi sĩ trong bài thơ *Hoàng hoa*:

“Lam nhưng ô! màu lưng chùng trời  
 Xanh nhưng ô! màu phổi nơi nơi  
 Vàng phai nằm im ôm non gầy”

(Bich Khe, 1939, p.40)

Lên tới *Ngũ hành sơn* là gần tới tầng thứ ba, là sự biến hóa kì ảo, như mộng mà rất thực trong *Ngũ hành sơn (Tiền)*:

“Tiên đồng bước giữa hoa,  
 Mực đồng lưng trâu cỡi  
 ...Phật Như Lai ẩn hiện  
 Trên bảy sắc cầu vòng  
 Kề môi say ân ái...”

(Bich Khe, 1938, p.80)

Một không gian vũ trụ cao rộng thật thơ mộng, vừa mênh mang không khí tín niệm của Phật giáo vừa đậm màu tình ái ngọt ngào trong *Ngũ hành sơn (Tiền và Hậu)*:

“...Lờ mờ đường lên mây  
 Chén trắng vừa tầm với  
 Chàng ơi, vàng ròng đây  
 Kề môi say ân ái...  
 ...Phật Như Lai thoát hiện  
 Trên bảy sắc cầu vòng  
 Quái thay hồn Non nước  
 Nghe giảng đủ mười tông.”

(Bich Khe, 1938, pp.77- 80)

Và chính ở tầng thứ ba này, thi sĩ đã gặp Nàng thơ trong hình dáng của các Nàng tiên. Dường như sự gặp gỡ này đã tự nhiên dắt dẫn thi sĩ Bích Khê sáng tạo ra dòng thơ Lỗa thể trong *Mộng lạ* và *Duy Tân*:

“Ôi đi! Đoàn tiên lột khóa thân  
 Hoan hô xác thịt chiếm ngôi thần”

(Bich Khe, 1939, p.72)

“Thơ lửa thể! Giai nhân tuần trăng mật  
Nữ thần ơi! Ta nô lệ bên người”

(Bích Khe, 1938, p.71)

Cũng chính ở tầng thứ ba này, Bích Khê thi sĩ cùng Nàng Thơ lên cung Quảng thăm Hằng Nga giữa một không gian lung linh huyền ảo, du dương tiếng nhạc – những câu thơ *toàn vần bằng* độc đáo trong *Nghê thường*:

“Ô trời hôm nay sao mà xanh!  
Ngọc trắng xây vàng trên muôn cảnh,  
Nhưng mây tê ngòi sao kim cương”

(Bích Khe, 1939, p.43)

Tầng thứ hai là địa ngục, song không phải là địa ngục âm u, ghê rợn như người ta thường tả mà đó vẫn là địa ngục thế giới tượng trưng trong *Sợ người*:

“Người yên tịnh nhưng người đi muôn dặm  
Máy thu thanh hòa âm nhạc thom tho!”

(Bích Khe, 1939, p.61)

Những từ, những hình ảnh chỉ có trong thế giới ma quỷ, trong địa ngục, trong “cõi chết” như *đau, chôn, sâu hóm, huyết, vụn thước sâu, mỏ người...* tất cả đã trở thành *ước mơ*, thành *tình yêu*, thành *xuân mười bốn* và cuối cùng là *quần quýt*, xoắn bện lấy nhau trong tình yêu vĩnh cửu trong *Hoàng hoa*:

“Hãy khép trong đau để ước mơ  
Để yêu lờ lạng những trang thơ”

(Bích Khe, 1939, p.40)

### 2.3. Một quan niệm nhất thể hóa về nhạc và thơ

Thi sĩ tượng trưng đề cao âm nhạc trong thơ vì họ quan niệm âm nhạc là nghệ thuật cao siêu nhất. Thơ phải gắn chặt với âm nhạc, phải gọi chứ không vẽ các đường nét, hình thể. Theo trường phái này, bài thơ không cần có hình tượng rõ nét mà như một bản hòa âm huyền ảo. Mỗi từ trong bài thơ phải gắn liền với một nốt nhạc để hợp nên bản nhạc huyền bí quyến rũ hồn người.

Tính nhạc được tạo nên bởi các yếu tố ngữ âm (vần, nhịp, thanh điệu, trọng âm, ngữ điệu...), các yếu tố từ vựng (từ láy, từ tượng thanh, từ tượng hình...) và các yếu tố ngữ pháp (cách ngắt dòng, cách tổ chức câu thơ...). Trong đó các yếu tố ngữ âm là quan trọng nhất, chi phối đến các yếu tố còn lại và quyết định đến sự hình thành nhạc điệu của một bài thơ.

Tính nhạc là đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ nhưng biểu hiện của nó ở mỗi giai đoạn, mỗi loại hình thơ ca là không giống nhau. Thơ lãng mạn đã phát hiện ra nhạc điệu nhưng phải đến các nhà thơ của trường phái thơ tượng trưng Pháp thì tính nhạc trong thơ mới được đề cao và được coi là điều tiên quyết. Các nhà thơ tượng trưng chủ nghĩa đã coi âm nhạc như là một cứu cánh có thể đưa được dòng suy tưởng vào cõi xa xăm, huyền ảo mà không vướng bận vào ngôn từ, tạo ra những ám thị. Âm nhạc mà thơ tượng trưng tìm kiếm

là thứ âm nhạc êm dịu nhưng có sức lan tỏa, rung động sâu xa. Nhạc điệu đó đôi khi ta không cảm thấy rõ rệt, tuy nó vẫn có. Nó thấm dần vào lòng ta, len lỏi, lan tỏa khiến ta băng khuâng ngây ngất như đi vào cõi mộng, thơ phát ra thứ âm nhạc này có giá trị như những câu thần chú.

Bích Khê đã có những cách tân lớn về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... nhằm tạo cho thơ mình thứ nhạc điệu “như những câu thần chú” dẫn thơ vào cõi quên, cõi mê. Đặc biệt, các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt đã được Bích Khê tổ chức một cách có dụng ý để âm thanh không còn là cái vỏ trống rỗng mà có giá trị biểu trưng, tạo nên sự cộng hưởng đặc biệt giữa âm thanh và ý nghĩa.

Trong tập thơ *Tinh huyết* của Bích Khê, những câu thơ toàn thanh bằng chiếm một số lượng khá cao. Các giá trị về âm sắc, về ý nghĩa, về tạo nhạc của từ ngữ thanh bằng tiếng Việt đã được phát huy một cách tối đa qua ngòi bút thơ Bích Khê. Thanh điệu thực sự trở thành một yếu tố đặc lực tạo nên cõi thơ huyền diệu của thi sĩ này tuy không phải không có lúc gọi cảm giác nhàm chán. Nhìn chung, sự hòa phối thanh điệu trong thơ Bích Khê đã đi ra ngoài chuẩn mực của truyền thống với một mức độ tương đối lớn so với các tác giả khác cùng thời, cùng trường phái hoặc gần gũi về phong cách. Nếu thơ truyền thống đề cao nguyên tắc đối ứng bằng - trắc thì Bích Khê lại chú trọng đến sự tương hòa trong âm điệu trong bài thơ *Hoàng hoa*:

“Lam nhưng ô! màu lưng chùng trời  
Xanh nhưng ô! màu phơi nơi nơi  
Vàng phai nằm im ôm non gầy”

(Bich Khe, 1939, p.40)

Ở *Hoàng hoa*, chất nhạc bao trùm lên toàn bài bởi những câu chữ toàn vần bằng, rồi lại tương giao quyện cùng màu sắc. Nhưng đây là màu của trực giác mang tính biểu tượng: *màu lưng chùng trời, màu phơi nơi nơi, màu ôm vai gầy*. Nghĩa là màu lam kiểu lưng chùng trời, màu xanh kiểu phơi nơi nơi, màu vàng kiểu ôm vai gầy – một loại màu tượng trưng thật sự, một loại màu không thể vẽ lại bằng hội họa thông thường. Nhạc tính ở đây còn được Bích Khê “kí âm” bằng kiểu lặp ngữ, lặp từ, lặp vần thường thấy trong âm nhạc. Đọc lại những câu thơ này ta thấy hình như không thể ngâm mà phải hát “Đây mùa hoàng hoa, mùa hoàng hoa” rồi “Ngàn khơi, ngàn khơi, ta, ngàn khơi” (Bich Khe, 1939, p.40). hoặc những câu đầy âm vang: “Làm mây theo chàng lên yên nhưng/ Non Yên tên bay ngang muôn đầu/ Ai xây mồ hoa chôn đời tươi...”. (Bich Khe, 1939, p.40). Đó là những câu thơ tràn đầy nhạc tính. Ta cũng gặp nhạc điệu như vậy trong bài thơ *Tỳ bà*:

“Nàng ơi! Tay đêm đang giăng mền  
Trăng đan qua cành muôn tơ êm  
Mây nhưng pha màu thu lên trời  
Sương lam phơi màu thu muôn ni...”

(Bich Khe, 1939, p.29)

Lối điều hòa thanh điệu này đã khiến độc giả có một cái nhìn mới về sự vật, về ngôn từ. Sau khi trượt nhanh qua hình thức diễn tả và bị cuốn theo các ấn tượng ngữ âm, người đọc như hòa tan trong không khí huyền diệu bao trùm. Điều đó cũng có nghĩa là lúc này chỉ có âm nhạc là sự hiện hữu đáng kể nhất và có uy lực nhất. Nó không ngừng vây bọc, thôi miên, dẫn dụ độc giả khiến người ta bỗng chốc mất liên hệ với một thực tại quen thuộc để chỉ còn biết tới thơ và nhìn mọi thứ hoàn toàn theo “con mắt thơ” của nhà thơ.

Tuy nhiên, nếu cứ kéo dài như vậy lời thơ sẽ không tránh khỏi đơn điệu, nhàm chán. Sự xuất hiện của những thanh trắc phá cách (*Nghê thường, Mộng Cầm ca, Tiếng đàn mưa, Thi vị, Nhạc...*) là sự biến hóa tài tình của nhà thơ: Nhạc tính không êm trôi bằng thanh bằng hoàn toàn như trước, mà những thanh trắc như một nghịch biến đã tạo nên dòng âm thanh gấp khúc, diễn tả sự biến đổi của trạng thái cảm xúc trong *Nhạc*:

“Ô nắng vàng thơm rung rinh điệu ngọc  
 Những cánh hồng đom, những cánh hồng đom  
 Nhẹ nhàng, nhịp nhàng thở đều trong sương  
 Màu trắng không gian như gợn gợn sóng  
 Từ ở phương mô nhận mang thơ về...”

(Bích Khe, 1939, p.38)

Với lối hòa phối thanh điệu theo kiểu này, âm nhạc có thể giúp nhà thơ tiến xa trên con đường nắm bắt những cái mơ hồ huyền diệu, giúp thơ đạt tới cái bản chất huyền bí của sự vật, của thực tại bằng những ám thị. Ngữ nghĩa đã bị đẩy xuống bình diện thứ hai, nhà thơ chú trọng đến sự lặp lại về ngữ âm và chúng được đẩy lên trước như một biện pháp nghệ thuật, gây sự tác động thẩm mỹ, trước hết là nhạc điệu, đến người nghe: “Thơ bay! Thơ bay vô bàn tay ngài...” (Bích Khe, 1939, p.38).

Ở những bài thơ vừa dẫn trên, Bích Khê tập trung sự chú ý vào phương diện âm thanh thuần túy. Nhà thơ cứ để chữ gọi chữ, âm thanh gọi âm thanh như dòng suối tuôn chảy mà không quan tâm nhiều về mối quan hệ ngữ nghĩa giữa chúng. Từ “bàn tay ngài” đến “thơ ngài ngài say”, từ “tình tang” đến “tình lang” là sự liên tưởng dựa vào sự tương đồng ngẫu nhiên về mặt ngữ âm. Chính việc đẩy lùi ngữ nghĩa xuống bình diện thứ hai, đề cao sự lặp lại về mặt ngữ âm đã khiến Bích Khê có thể xóa tan mọi khoảng cách, đem lại gần nhau những cái vốn xa lạ, xóa nhòa những đường viền ranh giới xác định của sự vật được miêu tả để tạo ra sự “tương giao ngữ nghĩa” trong *Tỳ bà*:

“Tôi qua tìm nàng bay du dương  
 Tôi mang lên lầu lên cung thương”

(Bích Khe, 1939, p.28)

#### 2.4. *Nhất thể hóa cõi phàm tục thành thế giới của đạo, của cái đẹp*

Nói về nhục cảm trong thơ Bích Khê từ cái trực giác của thi sĩ mạnh quá đến nỗi thấy nhan sắc lên hương, thấy cả sóng nghệ thường đờng nao nao gợn, và so sánh hai hàng nước mắt trong trắng của nàng là hai chiếc đũa ngọc. Và thấy mái tóc u huyền xinh như một mùa

thu mươn mướt, thi nhân bảo đây là đêm đang ngủ mơ... Sự say mê, tìm kiếm những nguồn hoan lạc vô biên đã dần dần đẩy thi nhân vào bờ bên của huyền diệu. Ở đây, sự mừng tượng của thi nhân lại dồi dào hơn nữa, người ta chỉ gặp toàn âm thanh dường ngả ngớn, với muôn thứ xạ hương bay lẳng lơ trong lòng nhạc, trong khi có hừng hà sa số là ánh hào quang va vào hồn hoa, chạm nhằm không khí lạ. Không có sự say đắm nào ở phương xa, hay sự mong chờ nào cách biệt mà không đến đây để sum vầy, gây nên cảnh tượng đoàn viên của một mùa thơ, mùa trăng bát ngát” (Lời tựa tập *Tinh huyết*) (Bích Khe, 1939).

Với cảm hứng sáng tạo của thơ ca, từ một cảnh tượng quen thuộc cõi trần tục, Bích Khê đã tạo ra nhiều liên tưởng xa xôi, bất ngờ, có sức ám gợi những hàm nghĩa sâu xa, ám gợi tâm trạng... để từ đó chuyển hóa cõi phàm tục thành thế giới của đạo, của cái đẹp.

Cả bức tranh lỏa thể *lộ một tòa hoa nghiêm động* khiến thi nhân vừa *miên man uống mộng quỳnh dao*, vừa tưởng tượng ra bao điều kì thú trong *Tranh lỏa thể*:

“Bóng thời gian phải quy dưới chân nàng  
Xuân muôn đời đi giữa một vùng tang!”

(Bích Khe, 1939, p.58)

Nhưng cái hình ảnh khiêu dâm trần tục kia đã được chuyển hóa thành cái đẹp có tính thẩm mỹ của thơ ca: *Người thi nhân, vẻ đẹp của khiêu dâm*. Cảm hứng thi ca của Bích Khê thực sự thăng hoa khi đứng trước vẻ đẹp của những nàng thực nữ yêu kiều. Bài thơ *Sắc đẹp* thể hiện rõ một tư duy nghệ thuật phức hợp, đa chiều trong cách xây dựng hình tượng thơ của Bích Khê. Hình ảnh thơ là một sự chiêm ngưỡng và khát khao chiếm đoạt vẻ đẹp nữ tính là bản năng tự nhiên của con người. Bích Khê đã biến bản năng tự nhiên ấy thành những sắc màu lung linh trong thơ ông, Bích Khê đã họa lại bằng thơ vẻ đẹp thiếu nữ và những đam mê trần tục của con người một cách tinh tế: thứ hương thơm quyến rũ từ da thịt, nó không chỉ được cảm nhận bằng khứu giác *nức, thom tho* mà bằng cả thị giác *đường thom* và thính giác *điệu êm*.

Không chỉ có *Tranh lỏa thể*, Bích Khê còn có nhiều bài thơ khác như *Xác thịt, Sắc đẹp, Mộng lạ*... đều ca tụng vẻ đẹp của cơ thể thiếu nữ và quan trọng hơn là đem đến những vẻ đẹp trần tục ấy một màu sắc, ấn tượng mới có tính chất thần linh trong *Mộng lạ*:

“Ôi đi! Đoàn tiên lột khóa thân  
Hoan hô xác thịt chiếm ngôi thần”

(Bích Khe, 1939, p.72)

Qua liên tưởng của Bích Khê, nhiều hình ảnh cụ thể, nhục cảm được chuyển hóa thành biểu tượng của cái đẹp có tính thẩm mỹ rực rỡ hào quang: nhan sắc đẹp như trăng, những đôi mắt như kho tàng châu báu, ngọc ngà, những môi son như ánh sáng huyền ảo của hoàng hôn, những vú nõn như đôi cong... trong *Sắc đẹp*:

“Những vú nõn: đôi cong thon, nho nhỏ,  
Với đôi dòng suối sữa trắng như tinh”

(Bích Khe, 1939, p.50)

Mọi giác quan (thị giác, thính giác, khứu giác...) được tương giao để đem tới sự cảm nhận thật độc đáo cũng trong bài thơ *Sắc đẹp*:

“Ôi rất thanh! Rất thanh là rất thanh!  
Ngát tinh khí vì thơm tho như xạ,  
Và rùng rợn như một điểm quái lạ.  
Hồn người nặng bị riêng khoan sắt đỏ,”

(Bích Khe, 1939, p.51)

Nói đến “khỏa thân”, “xác thịt” người ta thường nghĩ đến “nhục cảm”. Nhưng ở thơ Bích Khê, trong cái “khỏa thân”, “xác thịt” ấy lại là hương thơm và nhạc điệu, rung động của đam mê và khoái cảm trong *Châu II*:

“Có gì uyển chuyển trong da thịt  
Nức một đường thơm một điệu êm”

(Bích Khe, 1939, p.85)

Cả cặp mắt, bàn chân đều làm dậy lên những cảm giác, cảm xúc lạ lùng trong cơ thể, tâm hồn trong *Bàn chân*:

“Ô cặp mắt đa tình ngời sắc kiêu!  
Một bàn chân ve vuốt một bàn chân.”

(Bích Khe, 1939, p.53)

Tuy nhiên, khi tập trung nói về “cảm hứng lửa thể, trụy lạc” trong “Thơ lửa thể”, “Thơ trụy lạc” của Bích Khê. Thì “Nàng Thơ” của Bích Khê là một người “đẹp và dâm”. Chân dung nàng luôn được thi nhân khắc họa ở dạng lửa thể, khỏa thân, với vẻ đẹp thần tiên lộng lẫy. Đó là vẻ đẹp hài hòa, diễm lệ, không có một chút tì vết trong *Tranh lửa thể*:

“Nàng là tuyết hay da nàng tuyết diễm  
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương”

(Bích Khe, 1939, p.46)

Khi nhìn bao quát tổng thể, còn đi vào từng chi tiết, bộ phận thì cơ thể nàng chỗ nào cũng đẹp. Đẹp ở *cặp đùi non, một vẻ tơ mơ một vẻ ngon*. Đẹp ở *cặp mắt xanh tợ ngọc, đa tình ngời sắc kiêu, kho tàng muôn châu báu*. Trong *Sắc đẹp* và *Châu II*:

“Những vú nõn: đôi cong thon, nhỏ nhỏ  
Vớ đôi dòng sữa trắng như tinh”

(Bích Khe, 1939, p.50)

“Vẻ chi mãnh liệt nhưng êm ái  
Trong cặp tuyết lê ướm dậy thì”

(Bích Khe, 1939, p.86)

Hình ảnh “Nàng” (Nàng Thơ, người con gái, thiếu nữ...) xuất hiện nhiều trong thơ Bích Khê là những hình ảnh phiếm chỉ. Song, có một nàng được Bích Khê gọi bằng tên thật và nhắc đến nhiều lần với niềm yêu thương nồng nhiệt, tha thiết nhưng trân trọng thiêng

liêng. Đó là nàng Xuân Hương. Thi sĩ Bích Khê nói là gặp nàng ở bến sông Ngân trong *Nghê thường*:

“Ô! Nàng Xuân Hương ngực để trần  
Ngâm bài “Vấn nguyệt” tiếng trong ngần  
Nhìn xuống nhân gian cười như điên”]

(Bich Khe, 1939, p.44)

Thi sĩ Bích Khê tưởng tượng xuống địa ngục trong cơn ăn mày cảm hứng *Đặng ngữ nhờ một đêm với Xuân Hương*. Nhưng cuối cùng đây chỉ là mộng, thì ra đây là hiện thực trong giấc chiêm bao trong *Mộng Xuân Hương*:

“Thì mộng: Xuân Hương nường đã đến  
Thưa cô, dáng nguyệt tuyết còn vương.”

(Bich Khe, 1938, p.62)

Tìm hiểu cơ chế liên tưởng để chuyển hóa cái vật thể thành cái tinh thần huyền nhiệm trong thơ Bích Khê, trước hết, phải nói đến cách quan niệm mới của thi sĩ này về cái Đẹp. Tình yêu, sự ám ảnh của cái chết, nỗi cô đơn là những đề tài chủ yếu của cả hai tập thơ. Nhưng bao trùm lên tất cả là sự tìm kiếm, lòng khát khao cái Đẹp.

Quan niệm về cái đẹp của Bích Khê rất độc đáo, có chịu ảnh hưởng của Baudelaire. Baudelaire cho rằng, cái đẹp có thể đến từ bất cứ nơi nào trên thế giới: từ thiên đường cũng như từ địa ngục, là Thượng đế hay quỷ Sa tăng, thánh thiện hay tội lỗi, niềm vui hay thảm họa, ngay trong cả cái xác chết cũng toát lên một vẻ đẹp rực rỡ như một bông hoa vừa nở sớm mai, trong tiếng chuông rè kia lại vang lên những “âm thanh kính cẩn”.

Cũng như Baudelaire, Bích Khê quan niệm cái đẹp của thơ ca bao hàm cả cái kinh dị, cái khoái cảm xác thịt, hiện diện ngay trong những cái hỗn độn xô bồ của cuộc sống xung quanh, trong bạo lực chết chóc trong *Duy Tân*:

“Một hỗn độn đẹp xô bồ say dậy”

(Bich Khe, 1939, p.109)

Và trong *Sắc đẹp*:

“Những mặt tươi nhan sắc đẹp như trăng  
Và sắc lèm như thanh gương vẩy máu.”

(Bich Khe, 1939, p.50)

Quan niệm mỹ học này chính là nguyên lí chi phối hướng cách tân trong thơ Bích Khê. Thơ Bích Khê có nhiều hình ảnh kì dị như: sọ người, xác chết, máu cuồng, hồn điên, tinh huyết... Nhưng những cái mà người đời thường coi là xấu xa, ghê tởm ấy hiện lên trong thơ Bích Khê nhiều khi lại gọi lên những vẻ đẹp bất ngờ. Cái sọ người kia chính là *bình vàng, chén ngọc, hồ nguyệt động nhiều trăng lấp lánh*... Còn *máu cuồng hồn say* kia chính là trạng thái thăng hoa của tâm hồn.

### 3. Kết luận

Để làm nên thế giới tượng trưng của riêng mình trong thơ, Bích Khê đã thực hiện một cuộc huy động lớn nhiều vật liệu, các vật liệu đó có thể được chia vào ba nhóm lớn: nhóm gồm những thứ có thể nhận biết được bằng ngũ quan như màu, hương, nhạc, các vật thể rắn lạnh, lấp lánh, sáng ngời; nhóm gồm những thứ chỉ có thể thấy được bằng trực giác như xác thịt, linh hồn và sự hòa điệu; nhóm gồm những vật liệu được lấy từ thơ ca kim cổ đông tây, nhiều nhất là từ thơ truyền thống Việt Nam và thơ tượng trưng Pháp... Chỉ nhìn vào những vật liệu này, độc giả đã có thể hình dung được tính khác thường của thế giới thơ mà Bích Khê traу trướт, lao động đáng ngạc nhiên, muốn dựng lên để thi tài với đấng tạo hóa và để khẳng định mình. Đã có vật liệu, việc tiếp theo phải biết cách tổ chức vật liệu theo trật tự riêng phù hợp với một quan niệm mang màu sắc cá nhân về thế giới. Cái nhìn nhất thể hóa về thế giới và một định nghĩa mới về nhạc của thơ, trong thơ là nền tảng cho những thủ pháp sẽ được Bích Khê lựa chọn. Nhà thơ thường xuyên dùng phép liên tưởng theo nguyên tắc tương giao để xác lập sự tương đồng giữa các sự vật trong thế giới, để tạo nên những biểu tượng trùng phức. Ông cũng đã ứng xử với ngôn ngữ như với các đồ vật tự chúng có giá trị độc lập chứ không hoàn toàn như một phương tiện truyền cảm theo kiểu của các nhà thơ lãng mạn. Bởi vậy, ngôn từ thơ Bích Khê lắм góc cạnh như những viên kim cương tỏa ra nhiều màu tùy thuộc vào góc nhìn, vào sự xoay chuyển điểm nhìn của độc giả.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bich Khe (1938). *Tinh hoa [Quintessence]*. Quang Trung Printing Enterprise (Original work published 1988).
- Bich Khe (1939). *Tinh huyết [Essence of blood]*. Writers' Association Publishing House (Original work published 1995).
- Huy Can, & Ha, M. D. (Eds.). (1997). *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca [Looking back at a revolution in poetry]*. Viet Nam Education Publishing House.

**A HOLISTIC VISION OF THE WORLD IN BÍCH KHÊ'S SYMBOLIST POETRY**

*Pham Thi Nhu Thuy*

*Cuu Long University, Vietnam*

*Corresponding author: Pham Thi Nhu Thuy – Email: thuyphu7768@gmail.com*

*Received: November 04, 2025; Revised: February 15, 2026; Accepted: April 17, 2026*

**ABSTRACT**

*During the formation and development of the New Poetry movement in Vietnam, particularly within the symbolist trend, Bich Khe is considered an outstanding poet in the field of symbolic poetry in Vietnam in the 1932-1945 period. Discussions of Bich Khe's poetry often focus on three key aspects: painting of the nude in written words, poetry of fragrance and musicality, and of surrealistic and symbolic techniques. Bich Khe transports readers to profound levels of perception, encompassing not only dreams and illusions but also the subconscious and hallucinations. Therefore, exploring the symbolic world in Bich Khe's poetry could not only deepen our understanding and appreciation of his work but also provide an opportunity to gain a more accurate insight into various other poetic phenomena in contemporary Vietnamese literature. On these grounds, the article examines the holistic vision of the symbolic world in Bich Khe's poetry to highlight his distinctive contributions to Vietnamese symbolic poetry during the 1932–1945 period, in particular, and to modern Vietnamese poetry, in general.*

**Keywords:** Bich Khe; holistic vision; symbolic poetry; the symbolic world